

Bản án số: 499/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Trần Ngọc Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Nghiệp Hồng

2. Ông Lâm Viên Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Hoài – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh**  
*tham gia phiên tòa:* Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc X; địa chỉ: Số xxx/x đường Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích O; địa chỉ: Số xxx/x đường Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2020, các bản tự khai và biên bản hòa giải, ông Nguyễn Quốc X trình bày như sau:

Ông Nguyễn Quốc X và bà Nguyễn Thị Bích O tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 do Ủy ban nhân dân

phường 7, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2007. Vợ chồng ông bà có 01 con chung Lưu Diệu T (Nam, sinh ngày 20/6/2008).

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về nhiều mặt, nhất là về tình cảm. Nay ông X nhận thấy hai bên không còn thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau. Nay nhận thấy quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, ông X yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 giải quyết cho ly hôn với bà O để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lưu Diệu T (Nam, sinh ngày 20/6/2008). Ông X yêu cầu giao con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ông X cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông X khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 07/9/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Quốc X có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Tại biên bản tự khai ngày 14/7/2020, bà O trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích O xác nhận quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như ông Nguyễn Quốc X đã trình bày.

Bà Nguyễn Thị Bích O cho rằng vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do hai bên tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã. Nay ông X yêu cầu ly hôn, bà O đồng ý, đồng thời yêu cầu Tòa án sớm giải quyết để hai bên ổn định cuộc sống để lo cho con chung.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lưu Diệu T (Nam, sinh ngày 20/6/2008). Bà O đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý việc ông X cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng, vào ngày 15 hàng tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà O khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 28/8/2020, bị đơn Bà Nguyễn Thị Bích O có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh: Đương sự Nguyễn Thị Bích O, HKTT tại xxx/x đường Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án giải quyết và có đơn yêu cầu được vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử của Tòa án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các bên. Tòa án nhân dân Quận 11 quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

3. Tại phiên tòa hôm nay:

a) Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

b) Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

a) Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, Tuy nhiên, Tòa án chưa đảm bảo đúng thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

b) Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Quốc X;

- Về con chung: giao trẻ Lưu Diệu T, sinh ngày 20/6/2008 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông X về việc cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/ 1 tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Quốc X và bà Nguyễn Thị Bích O chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay ông X khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà O, hai bên đương sự cư trú tại Quận 11 nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 07/9/2020 nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc X có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ngày 28/8/2020, bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích O có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của bị đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

### 3. Về yêu cầu của đương sự:

#### a) Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Quốc X và bà Nguyễn Thị Bích O tự tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về nhiều mặt, nhất là về tình cảm. Nay ông X nhận thấy hai bên không còn thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau.

Bị đơn bà O mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 11 tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập đầy đủ và hợp lệ nhưng chỉ đến Tòa án để tự khai, đồng ý ly hôn, xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử. Điều này cho thấy rằng bà O không mong muốn và không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông X và bà O đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì hôn nhân cũng chỉ là hình thức.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc ông X yêu cầu ly hôn với bà O là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông X.

b) Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lưu Diệu T, sinh ngày 20/6/2008 và theo tờ trình bày nguyện vọng thì trẻ T có nguyện vọng được ở với mẹ.

Việc ông X cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/ 1 tháng là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Ông X, bà O khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

d) Về án phí:

- Ông Nguyễn Quốc X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 82, Điều 84, Điều 111, Điều 116, Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử :*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc X.

Ông Nguyễn Quốc X được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích O.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2007 không còn giá trị.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích O được trực tiếp chăm sóc giáo dục trẻ Lưu Diệu T, sinh ngày 20/6/2008.

Ông Nguyễn Quốc X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/10/2020 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Quốc X không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông X thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét

quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc X phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông X đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0015469 ngày 04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông X còn phải nộp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc X và bà Nguyễn Thị Bích O vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 11, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 11, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- UBND Phường 7, Quận 10, Tp. Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Trần Ngọc Phương**